TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16-3-2023.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm và bà Vũ Thị Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 172/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công M, sinh năm 1979.
Địa chỉ: Thôn 5, xã Nh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Thôn 5, xã Nh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/12/2022 và lời khai tại Tòa án, anh Nguyễn Công M là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị H kết hôn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 10 năm 2002 tại UBND xã Nh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng chung

sống không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi chửi lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, nặng nề. Mâu thuẫn căng thẳng nên từ đầu năm 2019 cho đến nay, dù sống trong cùng một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân và không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vũ Thị H.

Về con chung: Anh M và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 12/01/2004, hiện đã đủ 18 tuổi, trưởng thành nên anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 24/02/2008, hiện nay cháu Đ đang ở với anh chị. Khi ly hôn anh M xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2023 của chị Vũ Thị H trình bày về thời gian kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn đúng như anh M đã trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh M không quan tâm đến gia đình, có mối quan hệ bên ngoài nên giữa vợ chồng xảy ra cãi chửi, xô xát lẫn nhau, đã nhiều lần chị làm đơn xin ly hôn để dọa anh M, nhưng chị không muốn ly hôn. Vợ chồng tuy sống trong cùng một nhà nhưng không quan tâm đến cuộc sống của nhau từ đầu năm 2019 cho đến nay. Chị không nhất trí ly hôn nên chị không đề nghị gì về con chung. Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp; diện tích đất nông nghiệp chị cũng không có đề nghị gì khác. Chị H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. 1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Công M. Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Công M và chị Vũ Thị H. 2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Công Đ,

sinh ngày 24/02/2008 cho anh Nguyễn Công M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh Minh. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Công M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Vũ Thị H là bị đơn; địa chỉ: Thôn 5, xã Nh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị Vũ Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Công M và chị Vũ Thị H kết hôn tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn ngày 08 tháng 10 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Nh, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh M và chị H chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, không tôn trọng, tin tưởng dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi chửi lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, nặng nề. Mâu thuẫn căng thẳng nên từ đầu năm 2019 cho đến nay, dù sống trong cùng một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân và không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Theo các tài liệu xác minh của hàng xóm nhà anh chị, trưởng thôn 5, xã Nh, biên bản làm việc với chính quyền địa phương và lời thừa nhận của đương sự thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2019 và kéo dài nhiều năm nay. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng anh M và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh M ly hôn chị H là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Anh M và chị H có hai con chung là cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 12/01/2004, hiện đã trưởng thành lao động tự lập được, đương sự không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với

cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 24/02/2008 đang học lớp 9, hiện nay cháu đang ở cùng anh chị được anh M nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt, và có mức thu nhập ổn định nên khi ly hôn anh M có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng cho con là tự nguyện được, chị H không có nguyện vọng gì được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[3] Về tài sản chung: Đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[4] Về án phí: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Công M và chị Vũ Thị H.

2. Con chung: Giao cháu Nguyễn Công Đ, sinh ngày 24/02/2008 cho anh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh M.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Anh Nguyễn Công M phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu

tiền số 0000241 ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Anh M đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Công M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Vũ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Nh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỰ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt